TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/KDTM-PT
Ngày: 23-01-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
gia công hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hữu Xuân

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhàn

Ông Phan Trí Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà***: Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2017/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng gia công hàng hóa.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Toà án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH VTE, địa chỉ: Phường TH, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông C, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông D, sinh năm 1976; địa chỉ: Phường TDH, thị xã E, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 21/8/2017).

- *Bị đơn*: Công ty TNHH TNP; địa chỉ: Phường KB, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông F, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà G, sinh năm 1987; địa chỉ: Phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền 23/8/2017).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH TNP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, đại diện nguyên đơn thống nhất trình bày:

Từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 6 năm 2017, Công ty TNHH VTE có gia công hàng hóa là ván gỗ các loại cho Công ty TNHH TNP. Việc gia công giữa hai bên có ký kết Hợp đồng gia công số 23/2016 ngày 04/01/2016. Hai bên thỏa thuận đơn giá, số lượng, quy cách theo đơn đặt hàng, giao hàng tại kho bên mua; thanh toán ngay sau khi xuất hóa đơn tài chính.

Tổng tiền hàng Công ty TNHH VTE gia công cho Công ty TNHH TNP từ tháng 01 đến tháng 6 năm 2017 là 2.785.489.106 đồng. Công ty TNHH TNP đã thanh toán 1.600.052.578 đồng, còn nợ Công ty TNHH VTE 1.185.436.528 đồng. Trong đó tiền hàng của tháng 01 là 262.954.037 đồng bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng và chưa xuất hóa đơn; tháng 4/2017 là 916.902.851 đồng bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng và đã xuất hóa đơn; tháng 6/2017 là 5.579.640 đồng bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng và chưa xuất hóa đơn.

Nguyên nhân Công ty TNHH VTE chưa xuất hóa đơn đối với đơn hàng của tháng 01 và tháng 6 năm 2017 vì Công ty TNHH TNP thường xuyên bớt tiền hàng. Do đó, Công ty TNHH VTE chờ đối chiếu công nợ xong mới xuất hóa đơn. Tuy nhiên, Công ty TNHH TNP không đối chiếu công nợ và không thanh toán tiền gia công nên Công ty TNHH VTE khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH TNP trả nợ gốc cho Công ty TNHH VTE số tiền là 1.185.436.528 đồng và lãi suất nợ quá hạn do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật tạm tính từ ngày 07 tháng 8 năm 2017 đến ngày 07 tháng 11 năm 2017 là 1.185.436.528 đồng x 0.6% tháng x 03 tháng = 21.337.857 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi và thay đổi yêu cầu khởi kiện trừ 10% tiền thuế đối với tiền hàng gia công tháng 01 năm 2017 và tháng 6 năm 2017 cụ thể như sau:

Tiền hàng gia công tháng 01/2017 là 236.658.633 đồng.

Tiền hàng gia công tháng 4/2017 là 916.902.851 đồng

Tiền hàng gia công tháng 6/2017 là 5.021.676 đồng.

Tổng cộng: 1.158.583.160 đồng.

Nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ sau:

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH VTE;

+ Bản sao hóa đơn giá trị gia tăng số 0001396 ngày 29/4/2017; bảng tổng hợp công nợ tháng 6/2017; phiếu xuất hàng ngày 05/6/2017;

+ Bản photocopy bảng đối chiếu công nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - bà G trình bày: Từ tháng 11 năm 2016, Công ty TNHH VTE có gia công hàng hóa cho Công ty TNHH TNP. Đơn hàng tháng 11 năm 2016, Công ty TNHH VTE gia công đã làm hư hỏng hàng hóa của Công ty TNHH TNP nhưng không có biện pháp xử lý. Số lượng hàng hóa bị hư hỏng theo thống kê của Công ty TNHH TNP bằng với giá trị hàng gia công mà Công ty TNHH VTE nhận gia công. Công ty TNHH TNP đã thông báo cho Công ty TNHH VTE về vấn đề sửa chữa mà Công ty TNHH VTE không giải quyết được. Do đó, Công ty TNHH TNP không thanh toán đối với số tiền gia công hàng hóa tháng 11 năm 2016 mà chuyển sang tháng 01/2017 số tiền là 262.954.037 đồng (bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng). Công ty TNHH TNP thừa nhận tiền hàng gia công là 262.954.037 đồng nhưng không đồng ý thanh toán.

Đối với số tiền gia công tháng 4/2017 là 916.902.851 đồng, Công ty TNHH VTE đã xuất hóa đơn nên Công ty TNHH TNP đồng ý thanh toán.

Đối với số tiền hàng gia công tháng 6/2017 là 5.579.640 đồng (bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng). Do Công ty TNHH VTE chưa xuất hóa đơn nên Công ty TNHH TNP chưa thanh toán. Công ty TNHH TNP đồng ý thanh toán tiền hàng gia công.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Toà án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương căn cứ:

- Các Điều 30, 35, 39 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 11, 24, 50, 55 và 306 của Luật Thương mại;

- Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH VTE đối với Công ty TNHH TNP về việc "Tranh chấp hợp đồng gia công hàng hóa".

Buộc Công ty TNHH TNP thanh toán cho Công ty TNHH VTE số tiền 236.658.633 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH TNP thanh toán cho Công ty TNHH VTE số tiền 921.924.527 đồng (chín trăm hai mươi mốt triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng).

Tổng cộng: 1.158.583.160 đồng (một tỷ một trăm năm mươi tám triệu năm trăm tám mươi ba nghìn một trăm sáu mươi đồng).

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

- Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2017/QĐ-BPKCTT ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã A.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 09/10/2017, bị đơn Công ty TNHH TNP có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với số tiền 241.680.309 đồng (đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng) song song với việc bị đơn thi hành án. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung: Bị đơn thống nhất số tiền còn nợ nguyên đơn, nhưng do Công ty TNHH VTE gia công lô hàng tháng 11/2016 bị hư hỏng, Công ty TNHH TNP yêu cầu sửa chữa nhưng Công ty TNHH VTE sửa chữa không đạt yêu cầu nên Công ty TNHH TNP phải thuê đơn vị khác sửa chữa. Số tiền nợ tháng 01/2017 là tiền gia công của lô hàng tháng 11/2016 nhưng Công ty TNHH TNP không cung cấp chứng cứ chứng minh hàng hóa gia công tháng 11/2016 bị hư hỏng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty TNHH TNP phải thanh toán cho Công ty TNHH VTE số tiền hàng 236.658.633 đồng, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 921.924.527 đồng, tổng cộng 1.158.583.160 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, để đảm bảo đúng nguyên tắc kế toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty TNHH VTE phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng trong giai đoạn thi hành án đối với số tiền hàng còn nợ tháng 01/2017 là 236.658.633 đồng và tháng 6/2017 là 5.579.640 đồng, giữ nguyên các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH TNP làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và đương sự đã đóng tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ.

[2] Về nội dung: Công ty TNHH VTE và Công ty TNHH TNP thống nhất: Hai công ty có ký Hợp đồng số 23/2016 ngày 04-01-2016 về việc gia công, ghép hoa sản phẩm ván các loại và số tiền gia công Công ty TNHH TNP chưa thanh toán cho Công ty TNHH VTE như sau:

- Tiền hàng gia công tháng 01/2017 là 236.658.633 đồng (không bao gồm thuế và chưa xuất hóa đơn).

- Tiền hàng gia công tháng 4/2017 là 916.902.851 đồng (đã xuất hóa đơn và bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng).

- Tiền hàng gia công tháng 6/2017 là 5.021.676 đồng (không bao gồm thuế; chưa xuất hóa đơn).

Tổng cộng: 1.158.583.160 đồng.

Công ty TNHH TNP đồng ý thanh toán tiền hàng gia công tháng 4/2017 là 916.902.851 đồng và tiền hàng gia công tháng 6/2017 là 5.021.676 đồng cho Công ty TNHH VTE.

Đây là những chứng cứ không phải chứng minh theo quy định của Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với tiền hàng gia công tháng 01/2017, Công ty TNHH TNP không đồng ý thanh toán. Công ty TNHH TNP cho rằng: Khoản tiền này là khoản tiền gia công lô hàng của tháng 11 năm 2016 và số hàng này Công ty TNHH VTE đã gia công không đúng yêu cầu; Công ty TNHH TNP đã yêu cầu Công ty TNHH VTE sửa chữa nhưng việc sửa chữa vẫn không đạt yêu cầu. Xét thấy, Công ty TNHH TNP không cung cấp được chứng cứ chứng minh Công ty TNHH VTE gia công lô hàng tháng 11 năm 2016 bị hư hỏng nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH VTE, buộc Công ty TNHH TNP thanh toán số tiền hàng gia công tháng 01/2017, tháng 4/2017 và 6/2017 với tổng số tiền 1.158.583.160 đồng; đồng thời buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với số tiền hàng gia công tháng 01/2017 và tháng 6/2017 cho bị đơn là chưa phù hợp với nguyên tắc kế toán. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã tự nguyện xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với số tiền hàng gia công tháng 01/2017 là 236.658.633 đồng và tháng 6/2017 là 5.021.676 đồng (tổng cộng 241.680.309 đồng, đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng) nên cần sửa án sơ thẩm về phần này.

[3] Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Do bị đơn chưa thanh toán nợ cho nguyên đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2017/QĐ-BPKCTT ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương là có căn cứ.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là có căn cứ.

[5] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo Công ty TNHH TNP không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 148, Điều 228, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 11, 24, 50, 55 và 306 Luật Thương mại;

- Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH TNP.

2. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Toà án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH VTE đối với Công ty TNHH TNP về việc "Tranh chấp hợp đồng gia công hàng hóa".

Buộc Công ty TNHH TNP thanh toán cho Công ty TNHH VTE số tiền 1.158.583.160 đồng (đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng). Công ty TNHH VTE có trách nhiệm xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH TNP đối với số tiền hàng gia công tháng 01/2017 là 236.658.633 đồng và tháng 6/2017 là 5.021.676 đồng (tổng cộng 241.680.309 đồng, đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng).

Kể từ ngày Công ty TNHH VTE có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty TNHH TNP còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2.2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH VTE đối với Công ty TNHH TNP về khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

2.3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH TNP phải chịu 46.757.494 đồng (bốn mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng).

- Công ty TNHH VTE không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Công ty TNHH VTE số tiền tạm ứng

án phí đã nộp 24.100.000 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013203, ngày 08/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Dương.

2.4. Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2017/QĐ-BPKCTT ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH TNP không phải chịu. Chi Cục Thi hành án thị xã A, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Công ty TNHH TNP số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0013371 ngày 17/10/2017 và Biên lai số 0013569 ngày 18/12/2017 của Chi Cục Thi hành án thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/01/2018./.

Nơi nhận:
- Các đương sự; 04
- VKSND tỉnh Bình Dương; 01
- Chi cục THADS thị xã A; 01
- TAND thị xã A; 01
- Tổ HCTP; 01
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Kinh tế. 02

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Thái Thị Hữu Xuân